

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2022/HNGĐ-ST

Ngày 20 - 01 - 2022

V/v Tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hùng Nuôi.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Việt.

2. Ông Ngô Văn Lầu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Châu Trần Nhật Nguyên – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 20 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 52/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2020, về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 95/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Mai Kim N**, sinh năm 1992. Địa chỉ: ấp Đ, thị trấn T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. (có đơn xin vắng mặt)

- *Bị đơn:* Ông **Loo Boon C**, sinh năm 1988. Địa chỉ: Singapore, 163023. (có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện ngày 12/11/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Mai Kim N trình bày và yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về hôn nhân: Ngày 22/3/2019, bà Mai Kim N và ông Loo Boon C đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân huyện Trần Đề cấp giấy chứng nhận kết hôn số 10 ngày 22/3/2019.

Sau khi kết hôn hai người chung sống với nhau hạnh phúc. Ông Loo Boon C có ý định bảo lãnh tôi sang Singapore để sinh sống cùng nhau nhưng do kết quả phỏng vấn không đạt và ông Loo Boon C không đủ điều kiện để bảo lãnh bà Mai Kim N. Sau đó ông Loo Boon C về Singapore sinh sống cho đến nay.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: không có.

Nay nhận thấy cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, bà Mai Kim N yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: bà Mai Kim N yêu cầu được ly hôn với ông Loo Boon C.
- Về con chung, tài sản chung, nợ chung và trợ cấp sau khi ly hôn: không có, bà Mai Kim N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Trong quá trình giải quyết, bị đơn Loo Boon C có Đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 17/12/2021 (bút lục số 50 - bản dịch), có nội dung như sau: Ông đã nhận được và đã đọc hiểu thông báo về việc thụ lý vụ án ly hôn giữa ông và bà Mai Kim N số 133/TB-TLVA đề ngày 3/12/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng. Tuy nhiên, ông không thể có mặt tại Tòa án để tham gia các phiên hòa giải, cũng như các phiên xét xử theo yêu cầu trong thông báo của Quý tòa, lý do sau: Hiện nay do diễn biến dịch Covid-19 đang rất phức tạp tại hai nước Singapore và Việt Nam nên ông không thể trở về Việt Nam để trực tiếp tham gia các phiên xét xử vụ án tại Tòa án được. Về quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn, ông đồng ý ly hôn với bà Mai Kim N, về tài sản chung, con chung không có và cũng không tranh chấp liên quan đến tài sản.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, theo phát biểu và đề nghị của người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[I] Về tố tụng:

[1] Theo đơn khởi kiện ngày 12/11/2020 của nguyên đơn Mai Kim N về quan hệ hôn nhân yêu cầu được ly hôn với bị đơn Loo Boon C. Tòa án xác định quan hệ tranh chấp “*Ly hôn*” là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Trong vụ án có đương sự là người nước ngoài (có yếu tố nước ngoài) và cần phải ủy thác tư pháp. Do vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng thụ lý, xét xử vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 2 Điều 464, điểm b khoản 1 Điều 470 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Ngày 29/12/2020, Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng ban hành Công văn số 1200/TTTPDS-TA51 gửi Bộ Tư pháp về việc tương trợ tư pháp (BL 19), kèm theo hồ sơ ủy thác tư pháp tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án số 133/TB-TLVA ngày 03/12/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng cho bị đơn Loo Boon C. Đến ngày 03/12/2021, Tòa án mở phiên tòa lần thứ 2 theo thời gian đã được ấn định trước đó, nhưng vẫn chưa nhận được kết quả ủy thác tư pháp về việc tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án cho bị đơn tại nước ngoài. Do đó, Tòa án đã hoãn phiên tòa, đồng thời ban hành Công văn số 532/TTTPDS-TA51 về việc yêu cầu Bộ Tư pháp cung cấp thông tin thực hiện kết quả ủy thác tư pháp ra nước ngoài (bút lục số 59).

Đến ngày 04/01/2022, Tòa án nhận được Đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 07/12/2021 của ông Loo Boon C, kèm theo hồ sơ hợp pháp hóa lãnh sự gửi qua đường bưu chính, thông qua người đại diện theo ủy quyền (bút lục từ số 36 đến 55). Do đó, ngày 05/01/2022 Tòa án ban hành Thông báo về việc mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án nêu trên là phù hợp theo quy định tại khoản 4 Điều 477 và điểm b khoản 2 Điều 478 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Mai Kim N và bị đơn Loo Boon C đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 228, Điều 238 và điểm a khoản 5 Điều 477 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vụ án.

[III] Về nội dung:

[1] Nguyên đơn Mai Kim N với bị đơn Loo Boon C đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân huyện Trần Đề cấp giấy chứng nhận kết hôn số 10 ngày 22/3/2019, là đúng theo quy định tại Điều 8, Điều 9 và khoản 1 Điều 126 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, nên quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn Mai Kim N với bị đơn Loo Boon C là hôn nhân hợp pháp, phù hợp với pháp luật Việt Nam.

[2] Sau khi kết hôn hai người chung sống với nhau hạnh phúc. Ông Loo Boon C có ý định bảo lãnh bà sang Singapore để sinh sống cùng nhau nhưng do kết quả phỏng vấn không đạt và ông Loo Boon C không đủ điều kiện để bảo lãnh bà Mai Kim N. Sau đó ông Loo Boon C về Singapore sinh sống cho đến nay.

[3] Nay nguyên đơn xin được ly hôn với bị đơn với lý do tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét thấy, từ sau khi nguyên đơn có kết quả phỏng vấn không đạt và bị đơn không đủ điều kiện bảo lãnh nguyên đơn sang sinh sống tại Singapore, thì từ đó bị đơn cũng về Singapore sinh sống cho đến nay. Cho thấy rằng, giữa nguyên đơn với bị đơn không còn chung sống với nhau thời gian cũng đã lâu, do cách trở về địa lý và không còn liên hệ với nhau, nguyên đơn kiên quyết ly hôn, nên cho thấy tình cảm vợ chồng thật sự không còn, tương lai không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không thể tồn tại, nếu duy trì hôn nhân sẽ ảnh hưởng đến cuộc sống bình thường của mỗi người. Mặt khác, bị đơn cũng đã có văn bản nêu ý kiến đồng ý ly hôn với nguyên đơn.

Do vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xin được ly hôn với bị đơn là có cơ sở, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và đồng ý cho nguyên đơn Mai Kim N được ly hôn với bị đơn Loo Boon C là đúng quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn trình bày không có và không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí sơ thẩm và Chi phí, lệ phí Ủy thác tư pháp ra nước ngoài: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm số tiền 300.000đồng và lệ phí 200.000đồng, chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài 3.000.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 153 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27, Điều 44 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 153, Điều 227, Điều 228, Điều 238, điểm a khoản 2 Điều 464, điểm b khoản 1 Điều 470, khoản 4, điểm a khoản 5 Điều 477, điểm b khoản 2 Điều 478 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27, Điều 44 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Mai Kim N.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Mai Kim N được ly hôn với ông Loo Boon C.

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có và không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

2/. Án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn Mai Kim N phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng đã nộp 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tiền số 0007338 ngày 02/12/2020 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, nguyên đơn đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

3/. Lệ phí, Chi phí Ủy thác tư pháp ra nước ngoài: Nguyên đơn Mai Kim N phải chịu 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng đã nộp 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tiền phí, lệ phí số 0005901 ngày 28/12/2020 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Sóc Trăng. Nguyên đơn Mai Kim N phải chịu 3.000.000đồng (Ba triệu đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng đã nộp 3.000.000đồng (Ba triệu đồng), theo biên lai thu tiền số 0002515 ngày 28/12/2020 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Sóc Trăng

Như vậy, nguyên đơn đã nộp đủ lệ phí và chi phí nêu trên.

4/. Báo các đương sự biết, án xử sơ thẩm công khai có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết) để xin Tòa án cấp trên xét xử lại theo trình tự phúc thẩm. Đối với đương sự cư trú ở nước ngoài không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo bản án, quyết định của Tòa án là 01 tháng, kể từ ngày bản án, quyết định được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án, quyết định được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- Cục THADS tỉnh Sóc Trăng;
- UBND huyện Trần Đề;
- Lưu HSVA-VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phạm Hùng Nuôi